

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	07	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Bảy	2	10	7.0	Bảy	
3	Ngô Hải Biên	3	44	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	09	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Văn Cương	5	32	7.0	Bảy	
6	Bùi Thị Dung	6	37	7.0	Bảy	
7	Trần Thị Dung	7	14	7.0	Bảy	
8	Đào Việt Dũng	8	24	7.0	Bảy	
9	Dương Tiến Dũng	9	51	7.0	Bảy	
10	Lê Tiến Dũng	10	56	6.5	Sáu rưỡi	
11	Lê Đắc Đạt	11	42	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Thị Diệp (A-1985)	12	70	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Thị Diệp (B-1978)	13	26	7.0	Bảy	
14	Hà Văn Đồng	14	30	7.0	Bảy	
15	Lê Thị Giang	15	04	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Hà	16	08	7.0	Bảy	
17	Dương Việt Hà	17	72	7.5	Bảy rưỡi	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	03	7.5	Bảy rưỡi	
19	Lê Xuân Hằng	19	55	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	27	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	62	7.0	Bảy	
22	Dương Thị Hoan	22	25	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	66	7.5	Bảy rưỡi	
24	Bùi Thị Hồng	24	39	7.5	Bảy rưỡi	
25	Hà Thị Hồng	25	61	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	26	64	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Quốc Hưng	27	34	7.0	Bảy	
28	Dương Thị Hương	28	15	7.5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	29	69	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	30	60	7.5	Bảy rưỡi	
31	Lê Thị Huyền	31	21	7.5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Huyền	32	23	7.0	Bảy	
33	Nguyễn Thị Lâm	33	01	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Thị Liên	34	41	7.0	Bảy	
35	Phạm Quang Lưu	35	46	6.5	Sáu rưỡi	
36	Nguyễn Thị Mai	36	52	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đồng Thị Mây	37	43	7.0	Bảy	
38	Nguyễn Thị Na	38	33	7.0	Bảy	
39	Dương Văn Nam	39	18	7.0	Bảy	
40	Đặng Thị Phương Nga	40	19	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	41	49	8.0	Tám	
42	Nguyễn Thị Thanh Ngà	42	20	8.0	Tám	
43	Đinh Thủy Nguyên	43	02	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Chí Nhân	44	50	7.5	Bảy rưỡi	
45	Dương Thị Trang Nhung	45	17	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	46	54	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Hoàng Phương	47	57	7.0	Bảy	
48	Trần Văn Quân	48	38	7.0	Bảy	
49	Luân Thị Quế	49	11	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Quyên	50	05	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	51	71	7.0	Bảy	
52	Lê Minh Sơn	52	45	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	53	68	7.0	Bảy	
54	Trần Phương Thanh	54	35	7.0	Bảy	
55	Dương Văn Thao	55	48	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thắm	56	06	8.0	Tám	
57	Hà Đức Thịnh	57	31	7.0	Bảy	
58	Lê Xuân Thọ	58	53	6.5	Sáu rưỡi	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	59	-	-	-	Vắng thi
60	Trần Văn Thu	60	22	7.0	Bảy	
61	Lưu Thị Thư	61	67	7.5	Bảy rưỡi	
62	Lê Thái Thục	62	58	7.0	Bảy	
63	Trần Đình Thức	63	29	7.0	Bảy	
64	Đỗ Thị Thúy	64	59	7.0	Bảy	
65	Hà Thị Thu Trang	65	12	7.5	Bảy rưỡi	
66	Hoàng Minh Tuấn	66	36	7.0	Bảy	
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	67	13	7.0	Bảy	
68	Dương Thị Tứ	68	28	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Vân	69	16	8.0	Tám	
70	Bùi Văn Vinh	71	47	7.0	Bảy	
71	Lý Thanh Xuân	72	63	7.5	Bảy rưỡi	
72	Tạ Hồng Xuân	73	65	7.0	Bảy	
73	Lưu Như Ý	74	40	7.0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hoàng

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên